

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 9
TỈNH CÀ MAU
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15 – 8 – 2025

Về việc ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Hưởng
2. Ông Trần Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 143/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2025 về việc “ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mộng H, sinh ngày 12/02/1992 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 095192004612, cấp ngày 12/02/2023.

ĐKTT: Ấp A, xã P, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, phường G, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh ngày 01/01/1990 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 0950900046538, cấp ngày 11/8/2021.

Địa chỉ: Ấp A, xã P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 01 năm 2025 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị Mộng H trình bày: Năm 2010, chị và anh Lê Văn Đ tự

nguyện chung sống vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 32/2013, ngày 06/3/2013. Quá trình chung sống, chị và anh Đ tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên thường phát sinh mâu thuẫn. Vì vậy, chị và anh Đ đã ly thân từ tháng 10 năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh Đ không có liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn Đ. Về con chung: Chị và anh Đ có hai người con chung là cháu Lê Hoàng Đ1, sinh ngày 09/3/2011 và cháu Lê Hoàng Gia K, sinh ngày 16/10/2014, chị đồng ý cho anh Lê Văn Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hoàng Đ1, sinh ngày 09/3/2011, chị không cấp dưỡng nuôi con, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hoàng Gia K, sinh ngày 16/10/2014, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Hiện cháu Đ1 đang sống với anh Đ, cháu K đang sống với chị. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giải quyết cho chị Trần Thị Mộng H ly hôn với anh Lê Văn Đ. Về con chung, giao cháu Lê Hoàng Đ1, sinh ngày 09/3/2011 cho anh Lê Văn Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Lê Hoàng Gia K, sinh ngày 16/10/2014 cho chị Trần Thị Mộng H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí, chị H phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Mộng H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn Đ. Khi khởi kiện, anh Đ trú tại ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp A, xã P, tỉnh Cà Mau). Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 9 thụ

lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt chị H và anh Đ.

[3] Về hôn nhân: Chị H và anh Đ xây dựng hôn nhân năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P (nay là xã P) theo giấy chứng nhận kết hôn số 32, cấp ngày 06/3/2013 nên hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo chị H xác định thời gian đầu, chị H và anh Đ chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 10 năm 2015, chị H và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không hàn gắn được. Chị H và anh Đ đã ly thân từ tháng 10 năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị H và anh Đ không có liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đ không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, như vậy anh Đ đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh Đ.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị Mộng H và anh Lê Văn Đ có hai người con chung là cháu Lê Hoàng Đ1, sinh ngày 09/3/2011 và cháu Lê Hoàng Gia K, sinh ngày 16/10/2014, chị H đồng ý cho anh Lê Văn Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hoàng Đ1, sinh ngày 09/3/2011, chị H không cấp dưỡng nuôi con, chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hoàng Gia K, sinh ngày 16/10/2014, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ đã được Tòa án thông báo ý kiến của chị H nhưng anh Đ không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì đối với chị H. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Lê Hoàng Gia K ngày 14/5/2025 thể hiện cháu muốn tiếp tục sống với chị H. Đối với cháu Đ1, do anh Đ không hợp tác nên không thể tiến hành lấy ý kiến của cháu Lê Hoàng Đ1 để xem xét nguyện vọng của cháu muốn ở cùng với chị H hay anh Đ. Xét thấy, từ khi ly thân, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Hoàng Gia K; anh Lê Văn Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Hoàng Đ1, các cháu đều được chăm sóc tốt và được tạo điều kiện phát triển tốt về thể chất và tinh thần.

Vì vậy, để không làm thay đổi cuộc sống ổn định và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của cháu Lê Hoàng Đ1 và cháu Lê Hoàng Gia K, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cho anh Lê Văn Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hoàng Đ1, cho chị Trần Thị Mộng H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hoàng Gia K. Chị H và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh Lê Văn Đ không phải chịu án phí.

[8] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị Mộng H đối với anh Lê Văn Đ. Cho chị Trần Thị Mộng H ly hôn với anh Lê Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Đ1, sinh ngày 09/3/2011 cho anh Lê Văn Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lê Hoàng Gia K, sinh ngày 16/10/2014 cho chị Trần Thị Mộng H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu Lê Hoàng Đ1 đang sống với anh Lê Văn Đ, cháu Lê Hoàng Gia K đang sống với chị Trần Thị Mộng H. Chị Trần Thị Mộng H và anh Lê Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị Trần Thị Mộng H phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Trần Thị Mộng H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003358 ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí. Anh Lê Văn Đ không phải chịu án phí.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 9;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Phong Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Hồng Đào

